

-----  
**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 19/GQP86/2026

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUYNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588      Fax: .....

E-mail: [giaquynhphat86@gmail.com](mailto:giaquynhphat86@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** Nước vị dưa hấu 0h

**2. Thành phần:** Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit: (E330,E331iii), chất tạo ngọt: (E950,E951, E955), chất bảo quản: (E211), chất ổn định (E466, E452i), Natri clorua, tạo đục, màu dùng trong thực phẩm ( E129), hương dưa hấu.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai.

Quy cách đóng gói : Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuốn trong 2 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT



Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HĐGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH  
PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (Đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy  
chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

| STT | Tên chỉ tiêu                                                                      | Đơn vị     | Mức tối đa |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí                                                      | CFU/ml     | 100        |
| 2   | <i>Coliforms</i>                                                                  | CFU/ml     | 10         |
| 3   | <i>E.coli</i>                                                                     | CFU/ml     | 0          |
| 4   | <i>Clostridium perfringens</i>                                                    | CFU/ml     | 0          |
| 5   | <i>Staphylococcus aureus</i>                                                      | CFU/ml     | 0          |
| 6   | <i>Streptococci faecal</i>                                                        | CFU/ml     | 0          |
| 7   | Tổng số nấm men, nấm mốc                                                          | CFU/ml     | 10         |
| 8   | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>                                                     | CFU/ml     | 0          |
| 9   | Hàm lượng Pb                                                                      | mg/L       | 0.05       |
| 10  | Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)                                     | g/100ml    | 1,77       |
| 11  | Hàm lượng chất béo                                                                | g/100ml    | 0          |
| 12  | Hàm lượng chất đạm                                                                | g/100ml    | 0          |
| 13  | Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose) | g/100ml    | 1,70       |
| 14  | Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)    | kcal/100ml | 7.08       |
| 15  | Hàm lượng Natri                                                                   | mg/100ml   | 23,7       |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

*Lê Hữu Diên*





Watermelon  
fruit drink

# Nước Dưa Hấu

MELON  
WATER

DELICIOUS DRINK

Thể tích thực: 1.5l



# Nước Dưa Hấu

MELON  
WATER

DELICIOUS DRINK

Thể tích thực: 1.5l

NƯỚC VỊ DƯA HẦU 0H

THÀNH PHẦN

Nước, đường kính, nigh fructose  
corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ  
axit (E330, E331 ii), chất bảo  
E960, E951, E959), chất tạo  
(E211), chất ổn định  
E452), Natri citrat, màu  
dùng trong thực phẩm  
hương dưa hấu



| THÔNG TIN DINH DƯỠNG |           |     |  |
|----------------------|-----------|-----|--|
| Tên chất liệu        | Đơn vị đo | Mức |  |
| Carbohydrate         | g/100ml   | 0   |  |
| Cholesterol          | g/100ml   | 0   |  |
| Chất béo             | g/100ml   | 0   |  |
| Protein              | g/100ml   | 0   |  |
| Calories             | g/100ml   | 0   |  |
| Energy               | g/100ml   | 0   |  |
| Water                | g/100ml   | 100 |  |

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dùng để uống trực tiếp, sau khi  
mở nắp chai nên bảo quản trong  
tủ lạnh và sử dụng hết trong vòng

48 tiếng.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô ráo, tránh  
ánh nắng trực tiếp.

NSX & HSD

Xem trên thân chai

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH

GIA QUYNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, Số 44 Phố Kim

Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0888638858

Số TGB: 19/GC/P8/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam  
Số 10 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận  
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: 0888638858



Số: 34543/PKN-VKNQG

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước vị dưa hấu 0h  
2. Mã số mẫu: 04266611/DV.9  
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86  
Địa chỉ: Tầng 9, Số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
4. Ngày nhận mẫu: 23/04/2026  
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu  
6. Thời gian kiểm nghiệm: 23/04/2026 - 15/05/2026  
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.  
Số lượng: 2. NSX: 31/12/2025 - HSD: 31/12/2026  
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu  
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

| TT    | Chỉ tiêu kiểm nghiệm                                                                    | Phương pháp kiểm nghiệm    | Đơn vị     | Kết quả             |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|---------------------|
| 9.1*  | <i>C. perfringens</i>                                                                   | TCVN 4991:2005             | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.2*  | <i>Coliforms</i>                                                                        | TCVN 6848:2007             | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.3*  | <i>E. coli</i>                                                                          | TCVN 7924-2:2008           | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.4*  | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>                                                           | TCVN 8881:2011             | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.5*  | <i>S. aureus</i>                                                                        | ISO 6888-1:2021            | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.6*  | <i>Streptococci faecal</i>                                                              | TCVN 6189-2:2009           | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.7*  | Tổng số Nấm men - nấm mốc                                                               | TCVN 8275-1:2010           | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.8*  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí                                                            | TCVN 4884-1:2015           | CFU/mL     | < 1                 |
| 9.9*  | Hàm lượng Carbohydrat<br>(không bao gồm chất xơ)                                        | AOAC 2020.07               | g/100mL    | 1,77                |
| 9.10* | Hàm lượng Chất đạm                                                                      | NIFC.02.M.03               | g/100mL    | KPH<br>(LOD: 0,01)  |
| 9.11* | Hàm lượng Đường tổng số<br>(fructose, glucose, galactose,<br>sucrose, maltose, lactose) | NIFC.02.M.13<br>(HPLC-RID) | g/100mL    | 1,70                |
| 9.12  | Năng lượng (tính từ chất đạm,<br>chất béo, Carbohydrat (không<br>bao gồm chất xơ))      | NIFC.02.M.06               | kcal/100mL | 7,08                |
| 9.13* | Hàm lượng Chì                                                                           | AOAC 2015.01<br>(ICP-MS)   | mg/L       | KPH<br>(LOD: 0,004) |



| TT    | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm   | Đơn vị   | Kết quả            |
|-------|----------------------|---------------------------|----------|--------------------|
| 9.14* | Hàm lượng Natri      | NIFC.03.M.19<br>(ICP-OES) | mg/100mL | 23,7               |
| 9.15* | Hàm lượng Chất béo   | NIFC.02.M.04              | g/100mL  | KPH<br>(LOD: 0,01) |

**10. Ghi chú:**

10.1 (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (\*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

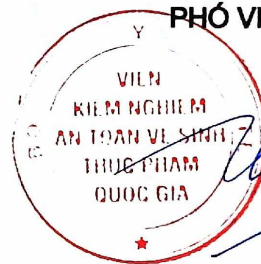
10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo